

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Đồ án: Mở rộng nghĩa địa gò Bún hiện trạng để phục vụ cải táng
tại thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định;

Căn cứ Hướng dẫn số 38/HD-SXD ngày 12/09/2019 của Sở Xây dựng Bình Định về Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2359/QĐ-CTUBND ngày 20/12/2012 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xã nông thôn mới xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch chung xã nông thôn mới xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Văn bản số 111/UBND-QH ngày 20/01/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc chủ trương lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đồ án: Mở rộng nghĩa địa gò Bún hiện trạng để phục vụ cải táng tại thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp;

Căn cứ Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán chi phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đồ án: Mở rộng nghĩa địa gò Bún hiện trạng để phục vụ cải táng tại thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp;

Theo đề nghị của UBND xã Phước Hiệp tại Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 15/4/2022 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Mở rộng nghĩa địa gò Bún hiện trạng để phục vụ cải táng tại thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp, kèm theo hồ sơ thuyết minh và thiết kế quy hoạch chi tiết do Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và môi trường Nam Phương lập, được Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện thẩm định tại Báo cáo số 105/BC-PKT&HT ngày 19/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500: Mở rộng nghĩa địa gò Bún hiện trạng để phục vụ cải táng tại thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Mở rộng nghĩa địa gò Bún hiện trạng để phục vụ cải táng tại thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp.

2. Phạm vi ranh giới và quy mô quy hoạch xây dựng:

a. Phạm vi ranh giới: Thuộc thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước.
Có giới cận:

- Phía Đông giáp: Đất trồng cây;
- Phía Tây giáp: Đất trồng cây và nghĩa địa hiện trạng;
- Phía Nam giáp: Đất trồng cây;
- Phía Bắc giáp: Nghĩa địa hiện trạng.

b. Quy mô quy hoạch xây dựng:

- Tổng diện tích quy hoạch: 0,65ha.
- Tổng số mộ cải táng: 751 mộ.

3. Tính chất và mục tiêu quy hoạch:

- Triển khai quy hoạch chi tiết nêu trên để tổ chức không gian kiến trúc, các phân khu mộ cải táng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong nghĩa địa; Nhằm đáp ứng nhu cầu cải táng của địa phương và đồng thời phục vụ di dời mồ mả để giải phóng mặt

bằng thực hiện dự án: Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng theo quy hoạch, lập các thủ tục về đất đai và thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư xây dựng.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng diện tích quy hoạch là 6.564,54m² (0,65ha), cơ cấu sử dụng đất cụ thể như sau:

- Khu 1: 4.248,36m².

- Khu 2: 2.316,18m².

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

TT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)	SỐ MỘ
	TỔNG DIỆN TÍCH QH MỞ RỘNG	6.564,54	100,0	
-	Khu 1	4.248,36		
-	Khu 2	2.316,18		
I	ĐẤT MAI TẮNG	3.719,28	56,66	751
1	Đất khu mộ hiện trạng	275,49	4,20	
	- Khu mộ hiện trạng 01	47,18		
	- Khu mộ hiện trạng 02	119,84		
	- Khu mộ hiện trạng 03	108,47		
2	Đất mộ cải táng quy hoạch mới	3.443,79	52,46	751
	- Khu cải táng 01	831,78		196
	- Khu cải táng 02	507,37		112
	- Khu cải táng 03	706,95		142
	- Khu cải táng 04	678,30		158
	- Khu cải táng 05	317,94		63
	- Khu cải táng 06	410,45		80
II	ĐẤT CÔNG TRÌNH CHỨC NĂNG	83,07	1,27	
1	Đất khu thu gom chất thải rắn	83,07		
III	ĐẤT CÂY XANH	1.627,20	24,79	
1	Đất cây xanh cách ly	1.627,20		
IV	ĐẤT GIAO THÔNG	1.065,12	16,43	
1	Đất bãi đỗ xe	237,76		
2	Đất đường giao thông nội bộ khu chôn cất	827,36		
V	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	69,87	1,05	
1	Đất rãnh thu nước	69,87		

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- Hình thức táng: Cải táng
- Diện tích đất sử dụng cho mộ cải táng: $1,5\text{m}^2/\text{mộ}$; kích thước mộ (dài x rộng x cao): $1,5\text{m} \times 1,0\text{m} \times 0,8\text{m}$; kích thước huyệt mộ (dài x rộng x sâu): $1,2\text{m} \times 0,8\text{m} \times 0,8\text{m}$.
- Chiều rộng các lối đi trong nghĩa địa:
 - + Đường giữa các lô mộ (đường phân lô): $3,5\text{m}$
 - + Khoảng cách lối đi giữa hai hàng mộ liên tiếp: $0,8\text{m}$
 - + Khoảng cách lối đi giữa mộ liên tiếp cùng hàng: $0,6\text{m}$
- Tỷ lệ sử dụng đất khu mai táng: $57,48\%$
- Tỷ lệ sử dụng đất các công trình chức năng và hạ tầng kỹ thuật: $42,52\%$.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Chuẩn bị kỹ thuật:

a. San nền:

- Giải pháp san nền: Cốt san nền khu vực căn cứ cao độ nền hiện trạng, tuyến đường bê tông hiện có và cao độ nền khu nghĩa địa hiện trạng để tính toán san nền phù hợp cho toàn khu vực. Nhằm đảm bảo độ dốc, đảm bảo thoát nước cho khu vực quy hoạch.

b. Thoát nước mưa:

- Hệ thống rãnh thu nước nội bộ trong các khu mộ: Bao gồm các rãnh thu có nắp đan dọc theo các tuyến đường nội bộ kích thước $B \geq 300\text{ mm}$. Kết cấu bằng bê tông, nắp đan BTCT đúc sẵn có chừa lỗ thu nước.

- Hệ thống rãnh thu nước giữa khu nghĩa địa hiện trạng và khu mở rộng bằng rãnh thu nước hở kích thước $B \geq 300\text{ mm}$.

- Toàn bộ nước mưa được thu gom về hệ thống mương và các hố ga thu nước bên trong khu vực quy hoạch rồi mới đầu nối vào hệ thống mương hiện có để thoát. Độ dốc đáy cống, đáy rãnh tối thiểu là 0.3% .

6.2. Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Kết nối với đường bê tông hiện trạng ở phía Bắc khu nghĩa địa hiện trạng.

- Giao thông đối nội: Bố trí hệ thống các đường giao thông đối nội trong các phân khu phục vụ việc chôn cất, thăm viếng, vận chuyển vật liệu xây dựng, lộ giới $3,5\text{m}$. Ngoài ra tổ chức hệ thống giao thông bộ phục vụ đi lại, thăm viếng, cụ thể:

- + Khoảng cách lối đi giữa hai hàng mộ liên tiếp: $0,8\text{m}$
- + Khoảng cách lối đi giữa hai hàng mộ cùng hàng: $0,6\text{m}$

6.3. Cấp nước:

- Nguồn nước phục vụ cho toàn khu quy hoạch sử dụng từ nguồn nước ngầm tại chỗ qua hệ thống giếng khoan.

6.4. Cấp điện:

- Giải pháp: Do nhu cầu dùng điện không lớn nên không cần phải hạ trạm riêng cho khu vực quy hoạch, đấu nối trực tiếp vào lưới điện hiện trạng của địa phương.

- Nguồn điện: Nguồn điện chính sẽ được đấu nối từ tuyến 0,4kV hiện trạng phía Bắc khu nghĩa địa hiện trạng dẫn vào khu quy hoạch mở rộng. Hệ thống điện chủ yếu phục vụ chiếu sáng giao thông.

- Tổng nhu cầu dùng điện: 4,4 kW.

6.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Thoát nước thải: Khu nghĩa địa mở rộng nhằm phục vụ nhu cầu cải táng của địa phương, vì vậy không phát sinh nước thải (nước rỉ mộ) nên không bố trí hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

- Vệ sinh môi trường: Chất thải rắn được thu gom, tập kết về khu thu gom chất thải rắn sau đó đưa đi xử lý theo quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường. Đồng thời bố trí các thùng rác tại các vị trí trong khu nghĩa địa để thu gom.

7. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Kèm theo hồ sơ đồ án quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Quyết định này làm căn cứ để quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch theo quy định.

2. UBND xã Phước Hiệp có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch được duyệt, đưa mốc giới ra thực địa, gửi hồ sơ quy hoạch cho các cơ quan có liên quan để lưu trữ, quản lý và triển khai thực hiện quy hoạch theo quy định.

3. Giao Trưởng phòng các phòng: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện, Chủ tịch UBND xã Phước Hiệp và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, tổ chức triển khai các phần việc có liên quan theo quy hoạch đã được phê duyệt theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng phòng các phòng: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện, Chủ tịch UBND xã Phước Hiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- LĐVP, CVVP (K3);
- Lưu: VT; T 12 b

CHỦ TỊCH

Huỳnh Nam